TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **TP. ĐÀ NẴNG** *Số:**308**/2018/QĐST –HNGĐ*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - hạnh phúc** *Hải Châu, ngày 02 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 và 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 286/2018/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 09 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Phạm Văn V** - Sinh năm 1987. Địa chỉ: Đường M, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng.

- Chị **Đỗ Thị Lý** - Sinh năm 1993. Địa chỉ: Đường M, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn V và chị Đỗ Thị L tự nguyện kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh V và chị L chung sống tại Đường M, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng. - là nhà của cha mẹ anh V. Trong quá trình chung đến năm 2014 anh V và chị L bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do đời sống vợ chồng không còn hòa hợp, không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cải vả và có đánh nhau. Hiện nay, anh V

và chị L đã không còn sống chung với nhau nữa, không ai quan tâm đến nhau. Xét thấy, anh Phạm Văn V và chị Đỗ Thị L đã thật sự tự nguyện lý hôn, mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Phạm Văn V và chị Đỗ Thị L xác nhận có một con chung tên là Phạm Văn Q – Sinh ngày: 22/09/2012.

Ly hôn, chị L và anh V thống nhất thỏa thuận giao con chung Phạm Văn Q cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Xét sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn V và chị Đỗ Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận chị Đỗ Thị L và anh Phạm Văn V thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con của chị Đỗ Thị L và anh Phạm Văn V như sau: Giao con chung Phạm Văn Q – Sinh ngày: 22/09/2012 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Đỗ Thị L và anh Phạm Văn V xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí tòa án: Chị Đỗ Thị L và anh Phạm Văn V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003723 ngày 04.09.2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Chị L và anh V đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Thanh Phúc